TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2023
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và ông Hoàng Ngọc Thành.

- **Thư ký phiên toà**: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà**: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2023, tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 371/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2022, về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Nh sinh năm 1989, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Bùi Đức S sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù, tại Trại giam T, Bộ Công an, địa chỉ: Xã C, huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá.

3. Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nh trong việc giao, nộp tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Quốc Th sinh năm 1956, nơi cư trú: Thôn C, xã A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; nơi làm việc: đường T, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Trương Vũ T sinh năm 1964, bà Hà Thị T1 sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

- Bà Bùi Thị S1 sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nh, bị

đơn anh S trình bày: Chị Nh, anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/5/2010 và chung sống đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết; ngoài ra chị Nh còn xác định mâu thuẫn vợ chồng do anh S không chịu lao động chân chính, nhiều lần vi phạm pháp luật, bị Toà án kết án. Nay chị Nh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị được ly hôn anh S. Anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị Nh xin ly hôn, anh S không đồng ý.

Về con chung: Chị Nh, anh S có một con là Bùi Thị Thu H sinh ngày 16/9/2010. Khi ly hôn, chị Nh đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh S có quan điểm nếu vợ chồng ly hôn, việc nuôi dưỡng con chung đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị Nh, anh S xác định không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai, không cho ai vay tài sản, không có công sức đóng góp gì cho gia đình hai bên. Khi ly hôn, chị Nh, anh S không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai bà S1 (mẹ anh S) xác định quá trình chung sống hai bên đương sự có phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên nhưng không thành. Nay, chị Nh xin ly hôn anh S, bà đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Nếu các bên đương sự ly hôn, bà S1 đề nghị giao cháu H cho anh S nuôi dưỡng. Đối với các công sức, nguồn lực tài chính gia đình bà hỗ trợ chị Nh, anh S trong việc chăm sóc cháu H, bà không yêu cầu Toà án giải quyết, không yêu cầu các đương sự phải hoàn trả.

Tại văn bản khai nhận ông T, bà T1 (bố mẹ chị Nh) xác định tình trạng hôn nhân của hai bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Toà án giải quyết cho hai bên đương sự được ly hôn. Ông T, bà T1 đề nghị Toà án giao cháu H cho chị Nh nuôi dưỡng; gia đình ông bà sẽ hỗ trợ chị Nh trong việc trông nom, chăm sóc cháu H.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 của Bộ luật Dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, chị Nh ly hôn anh S; giao cháu H cho chị Nh nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; chị Nh phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nh, anh S đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị Nh, anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/5/2010, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, mặt khác anh S không chịu lao động chân chính và liên tục vi phạm pháp luật. Theo chính quyền địa phương, người thân trong gia đình của đương sự, xác định: Mâu thuẫn giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nh cương quyết xin ly hôn anh S, còn anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn, cải thiện tình trạng hôn nhân với chị Nh. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị Nh ly hôn anh S.

[3]. Về con chung: HĐXX xác định chị Nh, anh S có một con là Bùi Thị Thu H sinh ngày 16/9/2010. Khi ly hôn, chị Nh có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh S có quan điểm, nếu vợ chồng ly hôn đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo pháp luật. Sau khi xem xét nguyện vọng của các bên đương sự và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX thấy rằng: Cháu H trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nh, trong khi đó anh S hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam, nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nh, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và nguyện vọng của cháu H, giao cháu H cho chị Nh nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con; anh S có quyền thăm nom con như theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị Nh, anh S không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Nh ly hôn anh Bùi Đức S.

- Về con chung: Giao con Bùi Thị Thu H sinh ngày 16/9/2010 cho chị

Trương Thị Nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nh tự nguyện không yêu cầu anh Bùi Đức S cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Bùi Đức S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Trương Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003359 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Ông Nguyễn Quốc Th;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã H, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**